

Số 674 /TB-QLCL

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

Kế hoạch xác nhận kiến thức ATTP trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về Phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 788/HD-QLCL ngày 17/10/2014 của Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội về hướng dẫn tổ chức thực hiện kiểm tra xác nhận kiến thức ATTP cho người sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc đối tượng quản lý của Chi cục QLCL Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-QLCL ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản & Thủy sản Hà Nội về việc tổ chức tập huấn kiến thức và xác nhận kiến thức về ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản tại Chi nhánh công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam – Nhà máy chế biến thịt Hà Nội.

Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội thông báo cho Chi nhánh công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam – Nhà máy chế biến thịt Hà Nội về kế hoạch xác nhận kiến thức ATTP như sau:

1. Nội dung:

- Kiểm tra kiến thức ATTP gồm hai phần: kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về ATTP tại Quyết định số 381/QĐ-QLCL của Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

- Thời gian thi: 45 phút.

2. Số lượng người đăng ký xác nhận kiến thức: 350 người (có danh sách tại phụ lục kèm theo).

3. Thời gian, địa điểm:

- Thời gian: ngày 19 tháng 9 năm 2020 (thứ 7)

- Địa điểm: 02 địa điểm thi như sau:

+ Địa điểm thi số 1: tại Hội trường số 1 của Chi nhánh công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam – Nhà máy chế biến thịt Hà Nội

Ca 1: từ 8h00 đến 10h00', từ số thứ tự 01 đến số thứ tự 82

Ca 2: từ 10h00' đến 12h00', từ số thứ tự 83 đến số thứ tự 164;

+ Địa điểm thi số 2: tại Hội trường số 2 của Chi nhánh công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam – Nhà máy chế biến thịt Hà Nội

Ca 1: từ 8h00 đến 10h00', từ số thứ tự 165 đến số thứ tự 256;

Ca 2: từ 10h00' đến 12h00', từ số thứ tự 257 đến số thứ tự 350;

Địa chỉ: Chi nhánh công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam – Nhà máy chế biến thịt Hà Nội, địa chỉ: Lô CN-B3, khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

4. Phân công tổ chức thực hiện: có danh sách kèm theo.

5. Thu phí: Tổ chức, cá nhân đăng ký hồ sơ nộp phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP tại Bộ phận một cửa của Chi cục.

6. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận kiến thức

Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận kiến thức phải đeo khẩu trang và rửa tay sát khuẩn và thực hiện các biện pháp chống dịch khác theo hướng dẫn của cơ quan Y tế để chủ động phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội thông báo để Chi nhánh công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam – Nhà máy chế biến thịt Hà Nội biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- CN công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Phòng chuyên môn, bộ phận;
- Website Chi cục;
- Lưu VT, QLCL.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Ngô Đình Loát

Phụ lục: DANH SÁCH THAM GIA XÁC NHẬN KIẾN THỨC ATTP NGÀY 19/9/2020

(Kèm theo Thông báo số: 644 /TB - QLCL ngày 17 / 9/2020 của Chi cục QLCL NLS & TS)

STT	Họ và tên	Nam /Nữ	Chứng minh thư nhân dân		
			Số CMND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp
I	Danh sách ca 1 tại địa điểm thi số 1: Hội trường số 1 của Chi nhánh công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam - Nhà máy chế biến thịt Hà Nội				
1	SAKCHAI CHATCHAISOPON	Nam	AA6053114	05/01/2016	Bộ Ngoại giao Thái Lan
2	NGUYỄN THỊ THOA	Nữ	001187013049	21/12/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
3	VŨ THỊ NHỎ	Nữ	036186009776	19/04/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
4	NGUYỄN THỊ KHANH	Nữ	112530846	20/05/2008	CA. TP Hà Nội
5	VŨ VĂN MẠNH	Nam	036079005698	02/03/2018	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
6	NGUYỄN TUẤN MẠNH	Nam	001089016504	19/05/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
7	NGÔ DUY THANH	Nam	001080014783	29/09/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
8	NGUYỄN HỮU THẮNG	Nam	001082028776	23/07/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
9	DƯƠNG VĂN TRƯỜNG	Nam	112290199	26/10/2005	CA. TP Hà Nội
10	NGUYỄN HỮU NAM	Nam	001097008406	15/04/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
11	NGUYỄN VĂN TỰ	Nam	001085017647	20/02/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
12	TRẦN BÁ VI	Nam	112215203	27/08/2012	CA. TP Hà Nội
13	NGUYỄN VĂN LÂM	Nam	001095019588	26/03/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
14	NGUYỄN VĂN CHUNG	Nam	017036139	09/03/2010	CA. TP Hà Nội
15	QUẢN BÁ MINH	Nam	001096012528	28/12/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

16	NGUYỄN VĂN LONG	Nam	001086017792	03/04/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
17	NGUYỄN NGỌC HUY	Nam	111921132	17/07/2013	CA. TP Hà Nội
18	LÊ VĂN HÙNG	Nam	017460905	13/04/2013	CA. TP Hà Nội
19	CAO VĂN TRUNG	Nam	001099016848	11/10/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
20	TÔ VĂN NGÃI	Nam	017397269	27/06/2012	CA. TP Hà Nội
21	LÊ VĂN NAM	Nam	017395458	15/06/2012	CA. TP Hà Nội
22	ĐỖ HỮU KẾT	Nam	017204529	04/08/2010	CA. TP Hà Nội
23	HOÀNG THỊ LINH	Nữ	022179001319	01/11/2016	CA. TP Hà Nội
24	NGUYỄN THỊ QUẾ	Nữ	017393884	26/06/2012	CA. TP Hà Nội
25	ĐỖ ĐÌNH HIẾU	Nam	001088004997	17/03/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
26	ĐẶNG THỂ ANH	Nam	112190505	05/01/2011	CA. TP Hà Nội
27	LÊ VĂN DŨNG	Nam	001092007559	04/11/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
28	NGUYỄN VIỆT THI	Nam	017036748	27/03/2009	CA. TP Hà Nội
29	LÊ VĂN THẠCH	Nam	001088028218	17/04/2013	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
30	NGUYỄN QUANG GIANG	Nam	112073082	26/07/2011	CA. TP Hà Nội
31	TRỊNH VĂN QUÂN	Nam	001200022810	12/09/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
32	VŨ VĂN VIỆT	Nam	001087020418	10/08/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
33	ĐỖ QUANG KHÁNH	Nam	001201038344	13/03/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
34	NGUYỄN VIỆT TẠO	Nam	001099016400	23/09/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
35	BÙI MẠNH ĐOAN	Nam	113595805	21/11/2017	CA. Tỉnh Hòa Bình
36	TRƯƠNG VĂN CƯỜNG	Nam	001200035270	07/06/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
37	ĐÀO VĂN ĐẠT	Nam	017452843	24/04/2013	CA. TP Hà Nội
38	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	001190019031	19/10/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
39	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	017018189	08/10/2008	CA. TP Hà Nội
40	CẦN THỊ NGỌC PHƯƠNG	Nữ	017112966	26/01/2010	CA. TP Hà Nội

41	TRẦN THỊ HIỀN	Nữ	112215341	19/04/2008	CA. TP Hà Nội
42	VŨ TIỀN PHONG	Nam	113565241	11/03/2010	CA. Tỉnh Hòa Bình
43	ĐÀO THỊ BÌNH	Nữ	001186024043	10/09/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
44	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	112519374	26/03/2008	CA. TP Hà Nội
45	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	017529198	17/01/2014	CA. TP Hà Nội
46	NGUYỄN THỊ QUYÊN	Nữ	001192009610	08/05/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
47	ĐINH THỊ HOÀI	Nữ	061058863	14/05/2014	CA. Tỉnh Yên Bái
48	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	001199015551	08/12/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
49	VŨ THỊ LAN	Nữ	174552423	09/11/2011	CA. Tỉnh Thanh Hóa
50	LÊ VĂN LÂM	Nam	001201037702	28/02/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
51	BÙI THỊ SÂM	Nữ	183894561	02/10/2017	CA. Tỉnh Hà Tĩnh
52	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	017227539	24/02/2011	CA. TP Hà Nội
53	ĐINH THỊ VÂN	Nữ	113549587	05/11/2009	CA. Tỉnh Hòa Bình
54	TRẦN THỊ MINH	Nữ	001302038676	25/02/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
55	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	001302038675	25/02/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
56	LÊ THỊ MAI	Nữ	001190023479	23/08/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
57	QUẦN THỊ BA	Nữ	017136038	28/10/2009	CA. TP Hà Nội
58	NGUYỄN THỊ XUÂN	Nữ	001187028290	04/10/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
59	BÙI THỊ THIÊN LIÊN	Nữ	017546196	27/03/2014	CA. TP Hà Nội
60	ĐINH THỊ NGỌC HOÀI	Nữ	164599285	25/11/2011	CA. Tỉnh Ninh Bình
61	NGUYỄN CHÍ KIÊN	Nam	001099020560	28/02/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
62	NGUYỄN XUÂN HOÀNG LONG	Nam	001200023998	12/12/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
63	LÊ THỊ HOA	Nữ	001193017252	12/12/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
64	NGUYỄN THỊ MAI LINH	Nữ	001301021394	12/12/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

65	VƯƠNG THỊ THÚY	Nữ	001193016197	05/08/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
66	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	112492296	23/01/2008	CA. TP Hà Nội
67	LÊ THỊ HUONG NGUYỄN	Nữ	017514192	29/03/2014	CA. TP Hà Nội
68	NGUYỄN THỊ CHUNG	Nữ	112254312	24/08/2005	CA. TP Hà Nội
69	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	001189024708	12/05/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
70	NGUYỄN THỊ VÂN	Nữ	001191020971	10/10/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
71	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	Nữ	001197009068	06/05/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
72	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	001197007613	31/03/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
73	NGUYỄN THỊ MINH	Nữ	017018986	10/12/2008	CA. TP Hà Nội
74	TRỊNH THỊ QUỲNH	Nữ	001191019124	20/05/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
75	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	Nam	001200020258	21/04/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
76	ĐỖ THỊ HẬU	Nữ	001195001929	25/09/2014	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
77	CAO VĂN ĐÀM	Nam	001099015104	22/07/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
78	TRỊNH ĐOÀN GIỎI	Nam	001099020854	16/03/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
79	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	112530606	17/10/2012	CA. TP Hà Nội
80	ĐỖ THỊ HOÀN MỸ	Nữ	001301020642	20/10/2016	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
81	LÊ THỊ THOA	Nữ	017305630	27/02/2012	CA. TP Hà Nội
82	NGUYỄN VĂN TÂM	Nam	001087028908	09/04/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
II	Danh sách ca 2 tại địa điểm thi số 1: Hội trường số 1 của Chi nhánh công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam - Nhà máy chế biến thịt Hà Nội				
83	NGUYỄN HỮU HOÀNG	Nam	001089017630	09/08/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
84	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	Nam	017151470	25/10/2011	CA. TP Hà Nội

85	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	001174012870	09/03/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
86	NGUYỄN HỮU NGỌC	Nam	111921263	18/10/2010	CA. TP Hà Nội
87	NGUYỄN HỮU TUẤN	Nam	001086008526	02/10/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
88	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	112073439	05/09/2011	CA. TP Hà Nội
89	NGUYỄN DUY TUẤN	Nam	001089014913	08/02/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
90	NGUYỄN VĂN SAN	Nam	001087014527	19/09/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
91	ĐỖ VĂN CUỒNG	Nam	111829995	18/09/2013	CA. TP Hà Nội
92	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	Nam	017370029	27/02/2012	CA. TP Hà Nội
93	TRẦN BÁ NINH	Nam	001098021236	04/07/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
94	NGUYỄN XUÂN TUYỀN	Nam	001201038926	23/04/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
95	LẠI VĂN THỨC	Nam	001088030128	20/12/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
96	NGUYỄN VĂN NAM	Nam	001095010485	13/03/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
97	NGUYỄN BÁ DŨNG	Nam	001086018827	26/06/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
98	LÊ VĂN TÂM	Nam	001091022532	18/04/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
99	NGUYỄN VĂN CHIẾN	Nam	017481416	15/06/2013	CA. TP Hà Nội
100	HOÀNG XUÂN TRƯỜNG	Nam	132150517	20/06/2015	CA. TP Hà Nội
101	NGUYỄN HỮU KIÊN	Nam	017397386	26/06/2012	CA. TP Hà Nội
102	NGUYỄN TỰ THÁI	Nam	001086001148	24/04/2014	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
103	TRẦN THỊ PHƯỢNG	Nữ	001301021429	12/12/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
104	DƯƠNG THỊ LĨNH	Nữ	001300029407	16/01/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
105	VƯƠNG THỊ NGỌC TÚ	Nữ	001196008605	06/03/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

106	NGUYỄN HỮU THUẬN	Nam	001201028598	03/01/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	CA. TP Hà Nội
107	NGUYỄN VĂN VINH	Nam	112215545	01/06/2010	CA. TP Hà Nội	
108	TRINH THỊ LOAN	Nữ	017546148	27/03/2014	CA. TP Hà Nội	
109	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG	Nữ	001188004522	03/12/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	CA. TP Hà Nội
110	NGUYỄN THỊ KIM ANH	Nữ	017314977	12/08/2011	CA. TP Hà Nội	
111	NGUYỄN NGỌC DUY	Nam	017086554	18/06/2009	CA. TP Hà Nội	
112	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	112433271	07/06/2007	CA. TP Hà Nội	
113	TÔNG THỊ HƯƠNG QUỲNH	Nữ	017487055	16/07/2013	CA. TP Hà Nội	
114	NGHIÊM THỊ THU	Nữ	001300019740	21/04/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	CA. TP Hà Nội
115	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	112301377	01/03/2006	CA. TP Hà Nội	
116	TRẦN THỊ HÀ	Nữ	001190026829	14/05/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
117	TRẦN THỊ DUNG	Nữ	001182011989	04/11/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
118	VU VĂN HẠI	Nam	001099011856	08/03/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	CA. TP Hà Nội
119	ĐO VĂN TÔI	Nam	017445731	30/01/2013	CA. TP Hà Nội	
120	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	001301028677	23/01/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	CA. TP Hà Nội
121	VU THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nữ	113816180	25/02/2019	CA. TP Hà Nội	
122	ĐINH THỊ NGOAN	Nữ	001192007971	24/10/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
123	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	001195008348	11/03/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	CA. TP Hà Nội
124	NGUYỄN THỊ HẠI	Nữ	112338896	24/08/2006	CA. TP Hà Nội	
125	QUÁCH THỊ HIỀN THU	Nữ	012185561	06/07/2010	CA. TP Hà Nội	
126	TRẦN BÀ HẠO	Nam	017086544	18/06/2009	CA. TP Hà Nội	
127	NGUYỄN THỊ KIM THẢO	Nữ	132300753	18/07/2012	CA. TP Hà Nội	
128	PHÙNG VĂN ĐÔNG	Nam	001201025223	11/05/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	
129	NGUYỄN THỊ DIỄN	Nữ	001188003866	16/06/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	CA. TP Hà Nội
130	LÊ THỊ LIÊU	Nữ	174045819	02/03/2010	CA. TP Hà Nội	

131	MAI THỊ VÂN	Nữ	060835962	05/03/2006	CA. Tỉnh Yên Bái
132	NGUYỄN NGỌC THẮNG	Nam	001098020766	18/04/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
133	TRẦN ĐỨC MẠNH	Nam	001099017019	20/10/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
134	NGÔ THỊ HÒA	Nữ	001301023432	09/03/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
135	ĐỖ THỊ HƯƠNG	Nữ	001188016373	06/03/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
136	LÊ THỊ HẠNH	Nữ	017536079	12/02/2014	CA. TP Hà Nội
137	TẠ THỊ TUỖI	Nữ	017536840	12/03/2014	CA. TP Hà Nội
138	NGUYỄN VĂN LẬP	Nam	017272061	17/03/2011	CA. TP Hà Nội
139	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	001189011163	11/04/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
140	ĐỖ THỊ HIÊN	Nữ	001189022295	07/10/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
141	ĐÀO THỊ VÂN	Nữ	017286586	17/05/2011	CA. TP Hà Nội
142	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	112530694	20/05/2008	CA. TP Hà Nội
143	NGUYỄN THỊ NHƯ	Nữ	001194008056	23/03/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
144	NGUYỄN THỊ PHI	Nữ	187860523	18/05/2017	CA. TP Hà Nội
145	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	001198015049	21/04/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
146	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nữ	001093006346	06/12/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
147	ĐINH VĂN TUẤN	Nam	001087014292	09/09/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
148	ĐINH THỊ LƯỢN	Nữ	001187010906	09/09/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
149	NGUYỄN THỊ CHUNG	Nữ	001184026648	05/12/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
150	NGUYỄN VĂN LINH	Nam	001099016395	23/09/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
151	NGUYỄN TIẾN DUY	Nam	001092026999	29/05/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
152	PHÙNG THỊ HỒNG	Nữ	017291082	19/04/2011	CA. TP Hà Nội

153	TRỊNH HÀ TRANG	Nữ	001195005153	26/06/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
154	VŨ THỊ LỮ	Nữ	017272877	21/06/2011	CA. TP Hà Nội
155	TRẦN THỊ HƯƠNG	Nữ	017022046	06/11/2008	CA. TP Hà Nội
156	TRẦN THỊ THẨM	Nữ	001188003438	05/05/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
157	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	017290732	31/5/2011	CA. TP Hà Nội
158	NGUYỄN QUẾ LAN	Nữ	012500707	20/12/2010	CA. TP Hà Nội
159	TẠ THỊ CẢI	Nữ	017056008	26/11/2011	CA. TP Hà Nội
160	LÊU THỊ THẢO	Nữ	112265259	19/10/2005	CA. TP Hà Nội
161	VŨ TRẦN ĐỘ	Nam	001085004137	08/12/2014	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
162	ĐỒNG THỊ TUYẾT	Nữ	038191012424	24/7/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
163	HẠ THỊ THOẠI	Nữ	001192011196	16/11/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
164	VŨ VĂN ĐOÀN	Nam	017481107	30/5/2013	CA. TP Hà Nội
III	Danh sách ca 1 tại địa điểm thi số 2: Hội trường số 2 của Chi nhánh công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam - Nhà máy chế biến thịt Hà Nội				
165	BÙI THỊ HẢO	Nữ	001185024405	15/05/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
166	NGUYỄN THỊ NGÁT	Nữ	113443851	13/06/2011	CA. Tỉnh Hòa Bình
167	NGUYỄN THÚY HÀ	Nữ	112423537	08/06/2007	CA. TP Hà Nội
168	NGUYỄN TIẾN TRUNG	Nam	001084014451	06/04/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
169	PHAN THỊ CHÂU	Nữ	042172000009	03/07/2014	CA. TP Hà Nội
170	TRẦN THỊ MIÊN	Nữ	112357105	24/08/2006	CA. TP Hà Nội
171	TRẦN THỊ XUYỀN	Nữ	001190002811	05/01/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
172	NGUYỄN THỊ CO	Nữ	112534515	04/07/2008	CA. TP Hà Nội
173	LÊ THỊ HÀ	Nữ	017009976	16/11/2010	CA. TP Hà Nội
174	TRỊNH THỊ THẢO	Nữ	111483307	29/06/2012	CA. TP Hà Nội
175	NGUYỄN VIỆT DƯƠNG	Nam	001080007952	03/08/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

176	HOÀNG THỊ ÁNH	Nữ	111975729	09/09/2013	CA. TP Hà Nội
177	HOÀNG THỊ MINH	Nữ	111986243	24/02/2003	CA. TP Hà Nội
178	NGUYỄN THỊ BÀI	Nữ	112073852	19/04/2010	CA. TP Hà Nội
179	LÊ THỊ HUYỀN	Nữ	112301306	01/03/2006	CA. TP Hà Nội
180	NGUYỄN BÁ HIẾU	Nam	112304048	22/03/2006	CA. TP Hà Nội
181	LÊ THỊ THẢO	Nữ	001180024364	12/08/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
182	TRẦN THỊ HẰNG	Nữ	017136925	02/12/2009	CA. TP Hà Nội
183	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	001182023573	09/08/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
184	NGUYỄN NGỌC DŨNG	Nam	017225506	28/03/2014	CA. TP Hà Nội
185	PHẠM THỊ DUNG	Nữ	001185012930	03/08/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
186	LÊ THỊ HÂN	Nữ	017421661	27/10/2012	CA. TP Hà Nội
187	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	017500548	11/09/2013	CA. TP Hà Nội
188	CAO ĐÌNH TUYẾN	Nam	017397980	21/07/2012	CA. TP Hà Nội
189	BÙI THỊ HẢO	Nữ	113463747	06/05/2009	CA. Tỉnh Hòa Bình
190	TRỊNH THỊ NHUNG	Nữ	001190007611	12/05/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
191	LÊ THỊ MAI	Nữ	001187023815	18/12/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
192	BẠCH THỊ DIỄN	Nữ	113356721	14/05/2019	CA. Tỉnh Hòa Bình
193	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	001300028121	09/08/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
194	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	017391459	28/05/2012	CA. TP Hà Nội
195	LÊ THỊ GIANG	Nữ	019185000594	01/12/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
196	NGÔ THỊ PHƯƠNG THƠM	Nữ	122242105	02/12/2013	CA. Tỉnh Bắc Giang
197	CÁN VĂN TOAN	Nam	001090012531	17/05/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
198	ĐỖ HUY BIÊN	Nam	001200024410	12/01/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
199	PHÙNG THỊ XUYỀN	Nữ	017250318	10/01/2011	CA. TP Hà Nội
200	NGUYỄN THỊ NỘI	Nữ	017305877	15/07/2011	CA. TP Hà Nội
201	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	Nữ	017331523	22/11/2011	CA. TP Hà Nội
202	VŨ THỊ HƯỜNG	Nữ	112418439	14/08/2010	CA. TP Hà Nội

203	BÙI THỊ KIM ANH	Nữ	017007158	12/08/2008	CA. TP Hà Nội
204	ĐỖ THANH HIỀN	Nữ	001199016458	26/02/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
205	LÊ QUÝ THƯỜNG	Nam	001200020865	20/05/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
206	DƯƠNG XUÂN SANG	Nam	001086014634	26/09/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
207	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	001300019221	29/03/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
208	ĐINH THỊ OANH	Nữ	001193000898	10/06/2014	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
209	TRẦN BÁ HÀ	Nam	001084020188	09/12/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
210	TRẦN THỊ THƯƠNG	Nữ	017192336	20/05/2010	CA. TP Hà Nội
211	NGUYỄN THỊ THUY	Nữ	112214870	13/04/2005	CA. TP Hà Nội
212	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	001197009226	22/05/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
213	NGUYỄN THỊ THÙY	Nữ	001182009643	23/07/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
214	VƯƠNG THỊ THU	Nữ	017421964	17/11/2012	CA. TP Hà Nội
215	NGUYỄN VĂN BÌNH	Nam	017227248	06/01/2011	CA. TP Hà Nội
216	BÙI THỊ HUỆ	Nữ	038193011432	03/10/2019	Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
217	NGUYỄN CHÍ HÀO	Nam	001200037096	26/03/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
218	NGUYỄN THỊ LÝ	Nữ	001188012115	18/04/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
219	NGUYỄN VĂN KIÊN	Nam	001201038842	10/04/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
220	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	Nữ	001190018420	24/08/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
221	PHÙNG THỊ NGÀ	Nữ	112417677	25/04/2007	CA. TP Hà Nội
222	HOÀNG THỊ MINH HUYỀN	Nữ	174901601	29/01/2016	CA. Tỉnh Thanh Hóa
223	PHÙNG XUÂN KHANH	Nam	001093025781	10/03/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
224	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	Nam	112380782	28/05/2013	CA. TP Hà Nội

225	VƯƠNG QUỐC LỰC	Nam	111924411	03/10/2011	CA. TP Hà Nội
226	TẠ ĐÌNH DÂN	Nam	001087014066	11/08/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
227	HOÀNG VĂN HUY	Nam	162966599	21/02/2006	CA. Tỉnh Nam Định
228	TÔ VĂN LỘC	Nam	001089011330	08/06/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
229	TRƯƠNG ĐÌNH TRANG	Nam	001087026724	08/10/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
230	ĐẶNG ĐÌNH DUY	Nam	001090011414	16/03/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
231	NGUYỄN BÁ TRƯỜNG	Nam	017086301	14/02/2012	CA. TP Hà Nội
232	NGUYỄN BÁ ĐẠI	Nam	017018127	30/03/2010	CA. TP Hà Nội
233	LÊ XUÂN VIỆT	Nam	001089014510		Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
234	DƯƠNG KHẮC HẠNH	Nam	112447312	27/09/2007	CA. TP Hà Nội
235	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	001186019942	31/01/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
236	HOÀNG VĂN QUỲNH	Nam	001093016096	03/08/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
237	TRẦN ĐẮC HÙNG	Nam	001200035749	03/08/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
238	NGUYỄN VĂN PHONG	Nam	017151327	22/02/2010	CA. TP Hà Nội
239	NGUYỄN HỮU KHƯƠNG	Nam	001098022878	23/05/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
240	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Nam	001093001620	10/05/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
241	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	Nam	001092025682	03/01/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
242	CÁN VĂN THẮNG	Nam	001098004725	25/03/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
243	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	017290335	09/05/2011	CA. TP Hà Nội
244	CAO ĐÌNH THƯỜNG	Nam	001095003072	06/11/2014	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
245	HOÀNG ĐĂNG THỊNH	Nam	001086026418	15/10/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

246	PHẠM NGỌC KHÁNH	Nam	001094022966	04/12/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
247	VŨ DANH MẠNH	Nam	001085021521	18/09/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
248	NGUYỄN TRỌNG MINH	Nam	111921094	22/08/2011	CA. TP Hà Nội
249	NGUYỄN VĂN DUẤN	Nam	111747119	17/08/2000	CA. TP Hà Nội
250	TRẦN BÁ THANH	Nam	017086526	18/06/2009	CA. TP Hà Nội
251	NGUYỄN ĐẮC THỦ	Nam	001091025442	23/11/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
252	TRƯỜNG VĂN CƯỜNG	Nam	001201035973	10/12/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
253	NGUYỄN TRỌNG TRUNG	Nam	111532774	20/06/2013	CA. TP Hà Nội
254	TRỊNH THỊ THUỶ TRANG	Nữ	111961414	03/03/2009	CA. TP Hà Nội
255	ĐỖ ĐÌNH ĐÔNG	Nam	001093019840	22/08/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
256	LỤC VIỆT LÂM	Nam	112393408	02/03/2013	CA. TP Hà Nội
IV	Danh sách ca 2 tại địa điểm thi số 2: Hội trường số 2 của Chi nhánh công ty CP chăn nuôi C.P Việt Nam - Nhà máy chế biến thịt Hà Nội				
257	BUI THỊ THỦY	Nữ	017035646	26/11/2008	CA. TP Hà Nội
258	HỒ KHẮC KHOA	Nam	111068832	02/05/2008	CA. TP Hà Nội
259	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	Nam	112503366	01/08/2011	CA. TP Hà Nội
260	TẠ ĐỨC THÀNH	Nam	001083011713	26/10/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
261	NGUYỄN TẮT TUẤN	Nam	001083012339	23/11/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
262	CẦN VĂN HIẾU	Nam	001083023387	17/04/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
263	NGUYỄN THỊ TRANH	Nữ	001186013320	01/11/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
264	NGUYỄN THỊ MIÊN	Nữ	112328404	11/05/2006	CA. TP Hà Nội
265	LÊ VĂN HẢI	Nam	001087005641	14/04/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
266	ĐÌNH VĂN THÀNH	Nam	001092010956	09/08/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

267	NGUYỄN VĂN TRÀ	Nam	001201023765	09/03/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
268	BÙI ĐẮC SƠN	Nam	001200015713	31/08/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
269	VŨ VĂN MINH	Nam	001097009589	25/05/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
270	TRẦN BÁ TÔI	Nam	001201023769	23/01/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
271	ĐỖ VĂN THƯƠNG	Nữ	001092024890	10/10/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
272	TRỊNH BÁ HUY	Nam	017136320	26/11/2009	CA. TP Hà Nội
273	NGUYỄN VĂN ĐẠI	Nam	001201030815	24/04/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
274	NGUYỄN HẢI ĐỨC	Nam	051006569	03/02/2020	CA. Tỉnh Sơn La
275	TRẦN CAO HIẾU	Nam	001201028430	21/12/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
276	TRẦN THỊ NHU	Nữ	112338927	19/12/2011	CA. TP Hà Nội
277	NGUYỄN NGỌC THANH	Nam	001090006110	16/04/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
278	HOÀNG THỊ NGÂN	Nữ	112473127	07/01/2008	CA. TP Hà Nội
279	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	112473928	21/03/2008	CA. TP Hà Nội
280	NGUYỄN THỊ XOA	Nữ	112530949	20/05/2008	CA. TP Hà Nội
281	NGUYỄN THỊ ĐỘI	Nữ	112534117	16/05/2008	CA. TP Hà Nội
282	ĐINH THỊ HƯỜNG	Nữ	164354111	10/10/2005	CA. Tỉnh Ninh Bình
283	TRỊNH THỊ THUỶ	Nữ	017066073	30/03/2009	CA. TP Hà Nội
284	LÊ VĂN HÙNG	Nam	017066894	05/05/2009	CA. TP Hà Nội
285	NGUYỄN THỊ ĐÔNG	Nữ	017119383	31/08/2009	CA. TP Hà Nội
286	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	091029103	17/10/2009	CA. Tỉnh Thái Nguyên
287	NGUYỄN DUY HUỖNH	Nam	111389467	19/03/1996	CA. TP Hà Nội
288	VŨ THỊ HƯƠNG NHU	Nữ	001179005835	01/06/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
289	BÙI THỊ NGUYỆT	Nữ	111600456	18/03/1999	CA. TP Hà Nội
290	TỔNG THỊ VÂN	Nữ	001183009031	23/07/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
291	NGUYỄN THỊ MUA	Nữ	001181017023	26/12/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

292	TRỊNH THỊ SỰ	Nữ	001176018232	11/04/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
293	NGUYỄN THỊ CHÂM	Nữ	001186018401	28/09/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
294	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	112214777	13/04/2005	CA. TP Hà Nội
295	NGUYỄN THỊ CHUNG	Nữ	017424748	12/12/2012	CA. TP Hà Nội
296	NGUYỄN THỊ LÝ	Nữ	017391795	09/05/2012	CA. TP Hà Nội
297	NGUYỄN TƯƠNG HẢI	Nam	001081025255	24/08/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
298	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	112487790	17/01/2008	CA. TP Hà Nội
299	BÙI THỊ HIỀN	Nữ	001198017149	28/02/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
300	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	Nữ	001185015380	08/12/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
301	NGUYỄN HỮU QUÊ	Nam	111921185	31/08/2010	CA. TP Hà Nội
302	TRẦN ĐỨC NGHĨA	Nam	017481579	20/06/2013	CA. TP Hà Nội
303	NGUYỄN ANH CHÚC	Nam	112215016	06/04/2011	CA. TP Hà Nội
304	PHẠM VĂN ĐẠI	Nam	112073768	18/09/2013	CA. TP Hà Nội
305	HÀ HUY MỪNG	Nam	001098011919	29/02/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
306	NGUYỄN PHƯỢNG HÀ	Nam	001091026891	01/04/2019	Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội
307	NGÔ TRÍ CÔNG	Nam	112380705	10/10/2011	CA. TP Hà Nội
308	DƯƠNG TUẤN LINH	Nam	113670549	21/01/2013	CA. Tỉnh Hòa Bình
309	NGUYỄN BÁ DUY	Nam	001087030847	12/08/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
310	PHÙNG ĐÌNH KIỀU	Nam	017290462	16/05/2011	CA. TP Hà Nội
311	NGUYỄN TRỌNG HIỆN	Nam	001099020147	28/02/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
312	BÙI QUANG KHÁNH	Nam	113368959	01/07/2010	CA. Tỉnh Hòa Bình
313	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	001190017501	19/06/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
314	ĐỖ NGỌC TRUNG	Nam	112503656	04/03/2008	CA. TP Hà Nội
315	NGUYỄN VĂN HẢI	Nam	017328423	26/10/2011	CA. TP Hà Nội
316	CÙ VĂN MINH	Nam	172654022	08/05/2014	CA. Tỉnh Thanh Hóa
317	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	112393389	05/03/2007	CA. Tỉnh Hà Tây

318	NGUYỄN DUY ĐÔNG	Nam	001087012123	12/05/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
319	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	132041900	14/06/2007	CA. Tỉnh Phú Thọ
320	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	Nữ	001184037243	16/06/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
321	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	001180001446	09/05/2014	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
322	NGUYỄN ĐẮC THĂNG	Nam	111605146	15/03/2010	CA. TP Hà Nội
323	HÀ THỊ HOA	Nữ	001184001361	09/05/2014	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
324	NGUYỄN XUÂN MINH	Nam	001083024388	06/06/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
325	NGUYỄN XUÂN THIẾT	Nam	001087019128	24/05/2017	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
326	NGUYỄN TRUNG QUANG	Nam	132007568	08/09/2010	CA. Tỉnh Phú Thọ
327	NGUYỄN VĂN TÙNG	Nam	001093024109	20/09/2019	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
328	NGUYỄN GIA LONG	Nam	112338160	19/03/2013	CA. TP Hà Nội
329	HOÀNG VĂN HẢI	Nam	113592597	20/05/2016	CA. Tỉnh Hòa Bình
330	NGUYỄN THỊ THĂNG	Nữ	112487039	22/11/2007	CA. Tỉnh Hà Tây
331	NGUYỄN GIA TRƯỜNG	Nam	001200035292	07/06/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
332	ĐẶNG ĐÌNH HOÀNG	Nam	001200022671	03/03/2020	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
333	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	Nam	001200023066	23/09/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
334	NGÔ VĂN HÙNG	Nam	001099024032	23/01/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
335	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	017508636	20/11/2013	CA. TP Hà Nội
336	VI VĂN TUẤN	Nam	082153382	06/05/2009	CA. Tỉnh Lạng Sơn
337	PHÙNG VĂN SINH	Nam	112304695	05/04/2006	CA. Tỉnh Hà Tây
338	TRẦN BÁ HẢI	Nam	017151783	19/05/2010	CA. TP Hà Nội
339	ĐÀO THỊ NGỌC ANH	Nữ	112487602	10/01/2011	CA. TP Hà Nội
340	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	162894372	11/03/2005	CA. Tỉnh Nam Định
341	KIỀU ĐỨC THỊNH	Nam	001084019822	22/11/2016	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

342	NGUYỄN THỊ HƯƠNG NGÂN	Nữ	112292098	28/11/2011	CA. TP Hà Nội
343	TRẦN THỊ THUY NINH	Nữ	151994460	18/09/2008	CA. Tỉnh Thái Bình
344	VŨ VĂN TUẤN	Nam	163359911	15/03/2013	CA. Tỉnh Nam Định
345	MAI NGỌC ĐẠO	Nam	034095005668	21/05/2018	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
346	CAO THỊ NGỌC HÀ	Nữ	142822875	12/06/2012	CA. Tỉnh Hải Dương
347	MAI THỊ THU	Nữ	174858355	30/11/2013	CA. Tỉnh Thanh Hóa
348	LÊ THỊ CHÍNH	Nữ	174779540	07/10/2011	CA. Tỉnh Thanh Hóa
349	NGHIÊM ĐÌNH THIÊN	Nam	001097007440	31/03/2015	Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
350	TRẦN THỊ LƯƠNG	Nữ	172047135	16/03/2001	CA. Tỉnh Thanh Hóa